TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 8 - 2020
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Đoàn;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-HN ngày 25 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp về hôn nhân gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1998

Cư trú: ấp Tây B, xã Vĩnh T, huyện T, tỉnh An Giang, Việt Nam. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Chen Chen L, sinh năm 1976

Cư trú: số 318/19/12 – 2 đoạn 1 lộ T, khóm 005, phường N, khu T, thành phố T, Đài Loan. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày: Bà và ông Chen Chen L do mai mối mới quen biết và tìm hiểu để đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84 ngày 23/9/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sang Đài Loan chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng dần vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, cả hai không còn vui vẻ và không muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nên bà đã về Việt Nam từ đầu

năm 2019 đến nay không liên lạc với ông Chen Chen L. Ông Chen Chen L cũng không sang Việt Nam hay liên lạc với bà. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị Kim A xin ly hôn với ông Chen Chen L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Chen Chen L đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án theo đúng thủ tục ủy thác tư pháp. Bộ Tư pháp có văn bản trả lời đã nhận toàn bộ hồ sơ ủy thác cho bị đơn ông Chen Chen L và tiến hành tống đạt cho đương sự theo thời hạn luật định nhưng đến nay ông Chen Chen L vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Chen Chen L hiện tại đang cư trú tại số 318/19/12 – 2 đoạn 1 lộ Trung ương, khóm 005, phường N, khu T, thành phố T, Đài Loan; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A cư trú: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, Việt Nam. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Bị đơn ông Chen Chen L Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc đúng theo trình tự tố tụng bằng hình thức Ủy thác tư pháp nhưng ông Chen Chen L vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông Chen Chen L theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A và bị đơn ông Chen Chen L thông qua sự giới thiệu đã tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84 ngày 23/9/2016 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn thời gian chung sống không hạnh phúc do giữa vợ chồng bất đồng ngôn ngữ, tính tình không hợp nhau, dẫn đến việc phát sinh nhiều mâu thuẫn mà cả hai lại không hiểu và thông cảm cho nhau. Từ đó vợ chồng ít quan tâm, chăm sóc nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên bà A đã trở về Việt Nam sinh sống, ông Chen Chen L cũng không sang Việt Nam, từ thời gian đó đến nay ông bà không có liên lạc với nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân đã không đạt được, bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu ly hôn ông Chen Chen L là có căn cứ theo

quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Kim A xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà A và ông Nguyễn Thị Kim A trong thời kỳ hôn nhân thì bà A và ông Chen Chen L phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 469, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A;

1. Bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Chen Chen L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang số 84 ngày 23/9/2016 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về nợ chung: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Kim A xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà A và ông Chen Chen L trong thời kỳ hôn nhân thì bà Anh và ông Chen Chen L phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000028 ngày 24/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. (Đã nộp xong)

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004340 ngày 24/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. (Đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị Kim A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ông Chen Chen L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA DS tỉnh An Giang;
- UBND H. Thoại Sơn, tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV &THA;
- Tòa GĐ&NCTN;
- Văn phòng Tòa án tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Ngọc Phượng